

Số: /KH-UBND

Hà Nam, ngày tháng năm 2023

**KẾ HOẠCH**  
**Thu nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2023**  
**trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh Hà Nam về việc kiện toàn Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Quyết định số 33/QĐ-QPCTT ngày 17/4/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Hà Nam;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Cơ quan quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai*) tại Tờ trình số 65/TTr-SNN ngày 19 tháng 6 năm 2023.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành Kế hoạch thu nộp Quỹ Phòng chống thiên tai năm 2023 trên địa bàn tỉnh Hà Nam với nội dung như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

- Nhằm huy động các nguồn lực xã hội phục vụ công tác cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, ứng phó, phòng ngừa, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra; tạo nguồn kinh phí để xây dựng, tu bổ, sửa chữa, nâng cấp, cải tạo những công trình phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh;

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, các lực lượng vũ trang, nhân dân và toàn xã hội về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc đóng góp và nộp Quỹ phòng, chống thiên tai là trách nhiệm, nghĩa vụ của mọi công dân và của toàn xã hội.

**2. Yêu cầu**

- Thu, nộp Quỹ đúng đối tượng, đúng mức thu, thu đủ, đảm bảo thời gian, tiến độ kế hoạch đã xây dựng.

- Quản lý, theo dõi, sử dụng Quỹ đúng mục đích, hiệu quả; thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về tài chính.

**II. ĐỐI TƯỢNG VÀ MỨC ĐÓNG GÓP**

## **1. Các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh**

Mức đóng góp bắt buộc từ các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn một năm là 0,02% trên tổng giá trị tài sản hiện có theo báo cáo tài chính lập ngày 31 tháng 12 hàng năm của tổ chức báo cáo cơ quan Thuế nhưng tối thiểu 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*), tối đa 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) và được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức.

## **2. Đối với công dân**

Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi đến tuổi nghỉ hưu trong điều kiện lao động bình thường theo quy định của pháp luật về lao động đóng góp hàng năm như sau:

- Cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động ở trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (cấp huyện), ở xã, phường, thị trấn (cấp xã), ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và lực lượng vũ trang đóng một phần hai của mức lương cơ sở chia cho số ngày làm việc trong tháng.

- Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động trong các doanh nghiệp đóng một phần hai của mức lương tối thiểu vùng chia cho số ngày làm việc trong tháng theo hợp đồng lao động. Người lao động giao kết nhiều hợp đồng với nhiều doanh nghiệp chỉ phải đóng 01 lần theo 01 hợp đồng lao động có thời gian dài nhất.

- Người lao động khác trên địa bàn đóng góp 10.000 đồng/người/năm.

## **3. Các đối tượng miễn giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ**

### **3.1. Đối tượng được miễn đóng góp**

a) Đối tượng được hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng theo quy định tại Điều 3 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020.

b) Đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.

c) Hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn trong lực lượng vũ trang đang hưởng phụ cấp sinh hoạt phí.

d) Sinh viên, học sinh đang theo học tập trung, dài hạn tại các trường Đại học, cao đẳng, trung cấp, dạy nghề.

đ) Người khuyết tật hoặc bị suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên, người mắc bệnh hiểm nghèo hoặc mắc bệnh tâm thần có chứng nhận của bệnh viện từ cấp huyện trở lên.

e) Người đang trong giai đoạn thất nghiệp hoặc không có việc làm từ 6 tháng trong 1 năm trở lên.

g) Phụ nữ đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi.

h) Thành viên hộ gia đình thuộc diện nghèo hoặc cận nghèo; thành viên hộ gia đình bị thiệt hại nặng do thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, tai nạn.

i) Hợp tác xã không có nguồn thu.

k) Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn trong năm bị thiệt hại do thiên tai gây ra về tài sản, nhà xưởng, thiết bị khi phải tu sửa, mua sắm với giá trị lớn hơn hai phần vạn (0,02%) tổng giá trị tài sản của tổ chức hoặc phải ngừng sản xuất kinh doanh từ 05 ngày liên tục trở lên có xác nhận của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố hoặc được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

3.2. Đối tượng được giảm, tạm hoãn đóng góp

Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp thì được xem xét giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ. Mức giảm đóng góp Quỹ tương ứng mức giảm thuế thu nhập doanh nghiệp do cơ quan Thuế công bố hàng năm.

### **III. KẾ HOẠCH THU, NỘP QUỸ PCTT NĂM 2023**

#### **1. Kế hoạch thu, nộp Quỹ:**

Tổng số tiền thu Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2023 trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch là: **35.813.312.829 đồng** (Ba mươi lăm tỷ tám trăm mười ba triệu ba trăm mười hai nghìn tám trăm hai mươi chín đồng)

Trong đó:

- Số tiền thu Quỹ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh là: 349.845.227 đồng (chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo).

- Số tiền thu Quỹ của các doanh nghiệp do Cục thuế tỉnh quản lý là: 26.121.852.346 đồng (chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo).

- Số tiền thu Quỹ của các huyện, thị xã, thành phố là: 9.341.615.256 đồng (chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo).

#### **2. Hình thức thu, nộp Quỹ:**

- Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đoàn thể cấp tỉnh và các đơn vị lực lượng vũ trang, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thu của cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động thuộc phạm vi quản lý và chuyển vào tài khoản Quỹ cấp tỉnh.

- Thủ trưởng tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm nộp vào tài khoản Quỹ cấp tỉnh (đối với các doanh nghiệp do Cục Thuế tỉnh quản lý) hoặc tài khoản Quỹ cấp huyện (đối với các doanh nghiệp do Chi cục Thuế khu vực các huyện, thị xã, thành phố quản lý) do Ủy ban nhân dân tỉnh uỷ quyền (bao gồm cả khoản thu đối với người lao động do đơn vị quản lý).

- UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc thu, nộp Quỹ đối với UBND các xã, phường, thị trấn; các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn huyện; các doanh nghiệp do Chi cục Thuế huyện quản lý và chuyển vào tài khoản Quỹ cấp huyện.

- UBND các xã, phường, thị trấn tổ chức thu Quỹ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị do UBND cấp xã quản lý và thu của các đối tượng lao động khác trên địa bàn và chuyển vào tài khoản Quỹ cấp huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh uỷ quyền. Việc thu bằng tiền mặt phải có chứng từ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

### **3. Tài khoản Quỹ Phòng chống thiên tai tỉnh Hà Nam:**

Tên tài khoản: Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hà Nam.

Tài khoản: 110602963368

Tại: Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, chi nhánh Hà Nam.

### **4. Thời hạn nộp Quỹ:**

a) Đối với cá nhân: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức thu, nộp Quỹ của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý trước 31/7/2023.

b) Đối với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh: Nộp tối thiểu 50% số tiền phải nộp cho cơ quan, đơn vị, tổ chức thu Quỹ trước ngày 31/7/2023; số tiền còn lại nộp trước ngày 30/11/2023.

c) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Nộp số tiền Quỹ phòng, chống thiên tai (sau khi trừ đi khoản được giữ lại ở cấp huyện, cấp xã theo quy định) nộp về tài khoản của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh trước ngày 15/11/2023.

### **5. Công khai nguồn thu, chi Quỹ:**

- Cơ quan, đơn vị, tổ chức phải công khai danh sách thu, nộp quỹ của cá nhân cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, bằng các hình thức: thông báo bằng văn bản, niêm yết tại đơn vị; công bố tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị. Thời điểm công khai chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày chuyển vào tài khoản Quỹ.

- Cấp xã phải công khai kết quả thu nộp, danh sách người lao động đã đóng quỹ trên địa bàn; tổng kinh phí được cấp cho công tác phòng, chống thiên tai và nội dung chi bằng các hình thức: báo cáo giải trình công khai tại cuộc họp tổng kết hàng năm, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, Trung tâm văn hóa các thôn và thông báo trên phương tiện truyền thanh trên địa bàn.

- Cấp huyện phải công khai kết quả thu nộp, danh sách tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài đã đóng quỹ trên địa bàn huyện và từng xã; tổng kinh phí được cấp cho công tác phòng, chống thiên tai và nội dung chi bằng các hình thức: báo cáo giải trình tại cuộc họp tổng kết hàng năm, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện và công khai trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan quản lý Quỹ công khai kết quả thu, danh sách và mức thu đối với từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và từng huyện; báo cáo quyết toán thu chi; nội dung chi theo địa bàn cấp huyện bằng các hình thức: gửi cơ quan quản lý Quỹ Trung ương; niêm yết tại trụ sở Quỹ cấp tỉnh; thông báo bằng văn bản tới cơ quan, tổ chức đóng góp quỹ; công khai trên Cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.

#### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các các Sở, ban, ngành, cơ quan, đoàn thể cấp tỉnh và các đơn vị lực lượng vũ trang, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, thủ trưởng các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm triển khai thu, nộp Quỹ năm 2023 của cán bộ, công chức, viên chức, và người lao động thuộc phạm vi quản lý và công khai kết quả thực hiện theo quy định.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm triển khai thu, nộp Quỹ năm 2023 của các đối tượng thuộc phạm vi quản lý và công khai kết quả thực hiện theo quy định.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Cơ quan quản lý Quỹ*) có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, tổ chức, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp do Cục Thuế tỉnh quản lý triển khai thực hiện việc thu, nộp Quỹ trên địa bàn; Cập nhật tiến độ thu nộp hàng tháng, lập báo cáo, công khai kết quả thu, nộp Quỹ theo quy định.

4. Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm phối hợp và chỉ đạo Chi cục Thuế khu vực các huyện, thị xã, thành phố trong việc hỗ trợ thu Quỹ ở cấp tỉnh, cấp huyện.

Trên đây là Kế hoạch thu, nộp Quỹ Phòng chống thiên tai năm 2023 trên địa bàn tỉnh Hà Nam. Yêu cầu các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo quy định. Trong quá trình thực hiện nếu gặp khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Cơ quan quản lý Quỹ PCTT tỉnh (*Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*) để tổng hợp, báo cáo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

#### **Nơi nhận:**

- Chủ tịch UBND tỉnh (*để b/cáo*);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐVP, KT, TH, NN&TNMT;
- Lưu: VT, KT<sub>(Th)</sub>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đức Vượng**

**PHỤ LỤC 01**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh Hà Nam)

**KẾ HOẠCH THU - NỘP QUỸ PCTT NĂM 2023**  
**(KHỐI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC THUỘC TỈNH)**

DVT: đồng

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh	Tổng số CB, CC, VC	Mức lương cơ sở	Kế hoạch thu, nộp Quỹ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<b>TỔNG</b>	<b>10.331</b>		<b>349.845.227</b>
1	Văn phòng UBND tỉnh	63	1.490.000	2.133.409
2	Văn phòng Tỉnh ủy	55	1.490.000	1.862.500
3	Sở Tài Chính	49	1.490.000	1.659.318
4	Sở Kế hoạch Đầu tư	35	1.490.000	1.185.227
5	Sở Xây dựng	85	1.490.000	2.878.409
6	Sở Giao thông vận tải	85	1.490.000	2.878.409
7	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	331	1.490.000	11.208.864
8	Sở Tài nguyên và Môi trường	229	1.490.000	7.754.773
9	Sở Y tế	2.637	1.490.000	89.298.409
10	Sở Nông nghiệp và PTNT	182	1.490.000	6.163.182
11	Sở Khoa học và Công nghệ	37	1.490.000	1.252.955
12	Sở Công Thương	58	1.490.000	1.964.091
13	Sở Tư pháp	60	1.490.000	2.031.818
14	Sở Thông tin và Truyền thông	26	1.490.000	880.455
15	Sở Giáo dục và Đào tạo	48	1.490.000	1.625.455
16	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	147	1.490.000	4.977.955
17	Sở Nội vụ	65	1.490.000	2.201.136
18	Thanh tra tỉnh	28	1.490.000	948.182
19	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	73	1.490.000	2.472.045
20	Cục thi hành án dân sự	27	1.490.000	914.318
21	Ban QL&PT khu đô thị ĐH Nam Cao	13	1.490.000	440.227
22	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	72	1.490.000	2.438.182
23	Văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	34	1.490.000	1.151.364
24	Công an tỉnh	2.487	1.490.000	84.218.864
25	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	593	1.490.000	20.081.136
26	Tòa án nhân dân tỉnh	40	1.490.000	1.354.545
27	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	55	1.490.000	1.862.500
28	Kho bạc nhà nước	121	1.490.000	4.097.500
29	Cục thống kê	52	1.490.000	1.760.909
30	Cục thuế	371	1.490.000	12.563.409
31	Điện lực	598	1.490.000	20.250.455
32	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Hà Nam	44	1.490.000	1.490.000

33	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	24	1.490.000	812.727
34	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	22	1.490.000	745.000
35	Ban Dân vận Tỉnh ủy	14	1.490.000	474.091
36	Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy	19	1.490.000	643.409
37	Ban Nội chính Tỉnh ủy	14	1.490.000	474.091
38	Đảng ủy khối các cơ quan	14	1.490.000	474.091
39	Đảng ủy khối các doanh nghiệp	14	1.490.000	474.091
40	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	20	1.490.000	677.273
41	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	20	1.490.000	677.273
42	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	12	1.490.000	406.364
43	Hội nông dân tỉnh	20	1.490.000	677.273
44	Tỉnh Đoàn	27	1.490.000	914.318
45	Hội Cựu chiến binh tỉnh	10	1.490.000	338.636
46	Hội Văn học nghệ thuật tỉnh	7	1.490.000	237.045
47	Hội Đông y tỉnh	9	1.490.000	304.773
48	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	13	1.490.000	440.227
49	Trường Cao đẳng Công nghệ kinh tế và chế biến Lâm Sản	82	1.490.000	2.776.818
50	Trường CĐ Phát thanh - truyền hình Hà Nam	63	1.490.000	2.133.409
51	Trường Chính trị tỉnh	41	1.490.000	1.388.409
52	Trường Trung cấp kinh tế - Kỹ thuật Hà Nam	36	1.490.000	1.219.091
53	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội cơ sở Hà Nam	80	1.490.000	2.709.091
54	Trường CĐ Thủy Lợi Bắc Bộ	84	1.490.000	2.844.545
55	Đài Khí tượng thủy văn	12	1.490.000	406.364
56	Bảo hiểm xã hội tỉnh	222	1.490.000	7.517.727
57	Liên đoàn Lao động tỉnh Hà Nam	18	1.490.000	609.545
58	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	37	1.490.000	1.252.955
59	Trại giam Nam Hà	379	1.490.000	12.834.318
60	Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam CN Hà Nam	93	1.490.000	3.149.318
61	Phòng giao dịch Hà Nam - Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Nam Định - Hà Nam	20	1.490.000	677.273
62	Báo Hà Nam	32	1.490.000	1.083.636
63	Trường ĐH Thương Mại cơ sở Hà Nam	24	1.490.000	812.727
64	Trường ĐH Công Nghiệp Hà Nội cơ sở 3	45	1.490.000	1.523.864
65	Hội người mù tỉnh	4	1.490.000	135.455

**PHỤ LỤC 02**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh Hà Nam)

**KẾ HOẠCH THU - NỘP QUỸ PCTT NĂM 2023**  
**(KHÔI DOANH NGHIỆP DO CỤC THUẾ TỈNH QUẢN LÝ)**

*ĐVT: đồng*

<b>Tổng số doanh nghiệp</b>	<b>Tổng giá trị tài sản DN</b>	<b>Số tiền thu, nộp Quỹ của DN (0.02% trên tổng giá trị tài sản DN)</b>	<b>Tổng số NLD (người)</b>	<b>Số tiền thu, nộp Quỹ của NLD trong DN (1/2 mức lương tối thiểu vùng chia cho số ngày làm việc trong tháng )</b>	<b>Kế hoạch thu, nộp Quỹ</b>
<b>781</b>	12.854.464.581.999	18.806.332.346	107.039	7.315.520.000	<b>26.121.852.346</b>



**PHỤ LỤC 03**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh Hà Nam)

**KẾ HOẠCH THU - NỘP QUỸ PCTT NĂM 2023**  
(KHỎI HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ)

ĐVT: đồng

STT	Huyện, Thị xã, Thành phố	Tổng số đơn vị	Tổng số CB, CC, VC, NLĐ	Kế hoạch thu, nộp Quỹ	Ghi chú
	<b>Tổng</b>			<b>9.341.615.256</b>	
<b>1</b>	<b>Huyện Thanh Liêm</b>			<b>2.364.336.000</b>	
+	Cơ quan, đơn vị	45	2.013	68.167.500	
+	Doanh nghiệp	453	8.687	2.076.578.500	
+	Lao động khác		21.959	219.590.000	
<b>2</b>	<b>Huyện Lý Nhân</b>			<b>2.631.641.283</b>	
+	Cơ quan, đơn vị	50	2.903	98.306.136	
+	Doanh nghiệp	371	2.412	1.973.735.147	
+	Lao động khác		55.960	559.600.000	
<b>3</b>	<b>Thị xã Duy Tiên</b>			<b>782.417.000</b>	
+	Cơ quan, đơn vị	103	2.290	77.860.000	
+	Doanh nghiệp	372	1.132	415.687.000	
+	Lao động khác		28.887	288.870.000	
<b>4</b>	<b>Huyện Kim Bảng</b>			<b>625.231.600</b>	
+	Cơ quan, đơn vị	121	2.847	99.534.000	
+	Doanh nghiệp	105	1.259	348.477.600	
+	Lao động khác		17.722	177.220.000	
<b>5</b>	<b>Thành phố Phủ Lý</b>			<b>903.955.483</b>	
+	Cơ quan, đơn vị	50	2.874	97.324.091	
+	Doanh nghiệp	691	3.416	649.981.392	
+	Lao động khác		15.665	156.650.000	
<b>6</b>	<b>Huyện Bình Lục</b>			<b>2.034.033.890</b>	
+	Cơ quan, đơn vị	50	2.257	76.430.227	
+	Doanh nghiệp	330	3.176	1.504.223.663	
+	Lao động khác		45.338	453.380.000	